

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8

(Thời gian từ 20/4 đến 25/4/2020)

**CÙNG CỐ KIẾN THỨC BÀI CÂU TRẦN THUẬT, CÂU PHỦ ĐỊNH
(Tiết 89 + 91 theo KHDH)**

I. Câu hỏi ôn tập

1. Nêu khái niệm, đặc điểm, chức năng và công dụng của câu trần thuật? Lấy ví dụ minh họa?
2. Nêu khái niệm, đặc điểm, chức năng và công dụng của câu phủ định? Lấy ví dụ minh họa?

II. Kiến thức trọng tâm

A. Câu trần thuật

1. Khái niệm: Là kiểu câu dùng để kể, xác nhận, miêu tả, thông báo, nhận định, trình bày...

VD: Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.

2. Đặc điểm và chức năng

a. Đặc điểm: Câu trần thuật không có dấu hiệu hình thức của những kiểu câu khác (không có từ nghi vấn, câu khiến, từ ngữ cảm thán); thường kết thúc bằng dấu chấm nhưng khi dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ t/c, cảm xúc... nó có thể kết thúc bằng dấu chấm lửng hoặc chấm than. VD:

- *Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm ...*

- *Sao lại không vào ? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!*

(Nguyễn Hồng)

b. Chức năng

Câu trần thuật dùng để trình bày, tả, kể, biểu lộ tình cảm, cảm xúc.

- Trình bày: *Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.*

- Tả: *Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của 2 gò má.*

- Kể: *Mẹ tôi thức theo.*

- Biểu lộ t/c, cảm xúc: *Cậu này khá!*

B. Câu phủ định

1. **Đặc điểm hình thức:** câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định (không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)..).

VD: Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn **không** biết nói, biết cười, cũng **chẳng** biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy. (Thánh Gióng)

2. Chức năng

- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (câu phủ định miêu tả).

VD: Tôi **không** lội qua sông thả diều như thằng Quý và **không** đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

- Phán bác một ý kiến, một nhận định (câu phủ định bác bỏ).

VD: Tôi **đâu có** đi học muộn.

III. Bài tập vận dụng

Bài tập 1: Xác định câu trần thuật và nêu c/năng của nó trong đoạn văn sau:

(1)“Tôi đang dăm chiêu nghĩ ngợi chợt cái Thanh reo lên:

(2)- Kia rồi! (3)Chị Trinh kia rồi! (4)Tôi quay phắt ra cửa, nhìn thấy Trinh đang tươi cười đi vào sân. (5)Tôi chạy ào ra, xô đổ cả ghế. (6)Thấy Trinh bình thường tự nhiên tôi thấy tủi thân và giận Trinh. (7)Tôi trách:

(8)- Sao bây giờ mới đến? (9)Tuởng quên người ta rồi? (10)Ghét!

(11)Trinh cười nhớn nhớn, đầu hơi nghiêng nghiêng trông thật hiền lành. (12)Nhìn nét cười ấy không thể nào giận cho được. (13)Tôi phất vào lưng Trinh một cái rỗ đau, rồi hỏi:

(14)- Xe đâu không dắt vào đây, lại để ngoài cổng à?

(15)Trinh vẫn cười không ra tiếng lắc lắc đầu hát lộn tócnặng ra sau mới nhỏ nhẹ như người mắc lỗi:

(16)- Xe sáng nay anh Toàn đi sớm.”

Bài tập 2: Xác định c/năng của những câu trần thuật sau:

a. Chúng ràng buộc dư luận thi hành chính sách ngu dân.

b. Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới.

c. Sáng ra bờ suối tôi vào hang.

d. Nó không phải là đứa dễ tin.

Bài tập 3: Chuyển những câu sau thành câu trần thuật mà mục đích trực tiếp của mỗi câu, về cơ bản, vẫn giữ được.

Mẫu: Anh uống nước đi! - (Tôi) mời anh uống nước.

a) Anh nên đóng cửa sổ lại !

b) Ông giáo hút trước đi !

c) Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão ?

Bài tập 4: Các câu dưới đây có phải là câu phủ định không? Cho biết ý nghĩa của các câu đó?

a. Giỏi gì mà giỏi?

b. Ngôi nhà này đẹp à?

c. Cậu tương tở thích quyền sở ấy lắm đấy!

Bài tập 5: Diễn đạt nghĩa của các câu sau bằng các câu phủ định (ý nghĩa cơ bản của câu vẫn không thay đổi)

a. Hôm qua, nó ở nhà.

b. Trong giờ học, nó rất trật tự.

CÙNG CỐ KIẾN THỨC BÀI HỊCH TƯỚNG SĨ (2 tiết)

(Trần Quốc Tuấn)

(Tiết 93 + 94 theo KHDH)

I. Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày những nét cơ bản về tác giả Trần Quốc Tuấn?
2. Nêu những đặc điểm chính của thể “hịch” (về hình thức, mục đích, tác động)?
Nêu nội dung chính của văn bản “Hịch tướng sĩ”?
3. Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản “Hịch tướng sĩ”?
4. Cảm nhận đoạn văn “Huống chi ta cùng các người ... tai vạ về sau”. (SGK/57)
5. Cảm nhận đoạn văn “Ta thường tới bữa.... ta cũng vui lòng” (SGK/57)
6. Đọc đoạn văn “Các người ở cùng ta.... cũng chẳng kém gì” (SGK/57)
Dụng ý của Trần Quốc Tuấn khi nhắc lại quan hệ, cách đối xử của mình với các tướng sĩ dưới quyền trước khi phê phán các sai lầm của tướng sĩ là gì?

II. Kiến thức trọng tâm

1. Tác giả Trần Quốc Tuấn

- Trần Quốc Tuấn (1231 – 1300), tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc.
- Cuộc đời ông gắn với những chiến công hiển hách, những thắng lợi vẻ vang trong cuộc chiến chống giặc Mông – Nguyên xâm lược.
- Ông được nhân dân tôn là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước ta.

2. Văn bản “Hịch tướng sĩ”

a. Đặc điểm chính của thể “hịch”

- Là thể văn nghị luận.
- Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục, hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.
- Kịch động tình cảm, tinh thần người nghe, có tính chiến đấu cao.
- *Hịch tướng sĩ* được Trần Quốc Tuấn viết để kêu gọi tướng sĩ học tập *Binh thư yếu lược*, sẵn sàng đối phó với âm mưu của giặc Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai. (1285)

b. Nội dung: Để kêu gọi, khích lệ tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, *Hịch tướng sĩ* từng bước tác động đến tướng sĩ suy nghĩ về:

- Tinh thần trung quân ái quốc: gương những trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc, kêu gọi tướng sĩ nhà Trần suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước.

- Tình thế đất nước: thái độ ngang ngược của giặc, âm mưu xâm lược của chúng đã bộc lộ rõ. Trong khi đó tướng sĩ nhà Trần vẫn bàng quan, không lo lắng cho hiểm họa xâm lăng đang đe dọa đất nước...

- Hành động mà các tướng sĩ phải làm: cảnh giác trước âm mưu xâm lược, tăng cường luyện tập Binh thư yếu lược; sẵn sàng chiến đấu chống kẻ thù.

c. Nghệ thuật

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.

- Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ...), chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện).

- Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành gây xúc động trong người đọc.

d. Ý nghĩa: *Hịch tướng sĩ* nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.

III. Bài tập vận dụng

1. Bài “Hịch tướng sĩ” được viết vào khoảng thời gian nào?

- A. Trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai.
- B. Sau cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai.
- C. Trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ ba.
- D. Khi cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên kết thúc.

2. Mục đích trực tiếp khi viết “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn là gì?

- A. Khích lệ tướng sĩ học tập “*Binh thư yếu lược*”.
- B. Khích lệ lòng yêu nước của tướng sĩ.
- C. Khích lệ lòng căm thù giặc của tướng sĩ.
- D. Khích lệ tinh thần quyết chiến quyết thắng.

3. Dòng nào sau đây nói về chức năng của thể hịch?

- A. Ban bố mệnh lệnh.
- B. Cổ động, thuyết phục.
- C. Công bố kết quả, chủ trương.
- D. Trình bày ý kiến, đề nghị.

4. **Những hình ảnh “quên ăn, mất ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa” thể hiện điều gì?**

- A. Lòng yêu thương tướng sĩ.
- B. Buồn vì những hành động, thái độ sai trái của tướng sĩ.
- C. Quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.
- D. Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc.

5. **Trần Quốc Tuấn nêu mối ân tình của mình với tướng sĩ nhằm mục đích gì?**

- A. Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của tướng sĩ.
- B. Bày tỏ tấm lòng yêu thương tướng sĩ.
- C. Để tướng sĩ yên tâm đánh giặc cứu nước.
- D. Để nêu cao vai trò chủ tướng của mình.

6. **Chứng minh Hịch tướng sĩ của TQT có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí và tình.**